

Bản án số: 02/2023/DS-PT

Ngày: 06 – 01 - 2023

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tử Lượng

Các Thẩm phán: ông Tạ V1 V2nh và ông Đinh Huy Lương

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ng Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình: bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/TLPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 21/2022/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị H sinh năm 1958; địa chỉ: số nhà H, ngõ 287, đường P, phố D, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: bà Nguyễn Thị V sinh năm 1961; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh là người đại diện theo ủy quyền (V1 bản ủy quyền ngày 14/12/2022).

2. Bị đơn:

- Ông Nguyễn Quang L (tên gọi khác: Nguyễn Duy L, Nguyễn Văn L) sinh năm 1966; địa chỉ: số nhà 31, ngõ 93, đường T, phố B, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Điền Thị V1 sinh năm 1969; địa chỉ: số nhà 31, ngõ 93, đường T, phố B, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: ông Nguyễn Phúc Tr
- Luật sư Công ty Luật TNHH PT, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; địa
chỉ: số 07, ngách 38, ngõ 26, đường C, phường Ph, quận Bắc Từ Liêm, Thành
phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Đức Q sinh năm 1954; địa chỉ: số nhà 757, đường N, phố
Đ, phường B, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình (người có quyền lợi, nghĩa vụ
liên quan có yêu cầu độc lập).

- Bà Nguyễn Thị V sinh năm 1961; địa chỉ: thôn Đ, xã Đ, huyện Vân Đồn,
tỉnh Quảng Ninh.

- Bà Nguyễn Thị V2 sinh năm 1963; địa chỉ: số nhà 03, ngõ 221, đường T,
phố N, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Vũ Thị Th sinh năm 1942; địa chỉ: số nhà 787, đường N, phố Đ,
phường B, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Anh Nguyễn Văn Ph sinh năm 1973; địa chỉ: số nhà 787, đường N, phố
Đ, phường B, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Bà Nguyễn Thị Th1 sinh năm 1950; địa chỉ: số nhà 04, ngõ 93, đường T,
phố B, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Anh Nguyễn Văn Ng sinh năm 1980; địa chỉ: số nhà 04, ngõ 93, đường
T, phố B, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Anh Nguyễn Văn L1 sinh năm 1983; địa chỉ: số nhà 02, ngõ 93, đường
T, phố B, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Ủy ban nhân dân thành phố N; địa chỉ: số 03, đường L, phường Th,
thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố N: ông Lê Tiến
D - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố N; địa chỉ: Ủy ban nhân
dân thành phố N, số 03, đường L, phường Th, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh
Bình là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 3559/QĐ-UBND
ngày 22/9/2021).

4. Người kháng cáo: ông Nguyễn Quang L, bà Điền Thị V1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 17/11/2020, đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện
ngày 20/5/2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn
Thị H trình bày:*

Bố đẻ bà H là ông Nguyễn Văn Sự (tên gọi khác Nguyễn Duy Sự) chết năm 2012, mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Hoan chết năm 1974. Ông Sự và bà Hoan có 5 con chung là các ông bà Nguyễn Đức Q, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị V, Nguyễn Thị V2, Nguyễn Quang L.

Ngoài ra, ông Sự còn có quan hệ tình cảm với bà Nguyễn Thị Th có 01 người con chung là Nguyễn Văn Ph sinh năm 1973; chung sống như vợ chồng với bà Nguyễn Thị Th1 từ khoảng năm 1980 đến khi chết (không có đăng ký kết hôn). Ông Sự và bà Th1 có 02 người con chung là Nguyễn Văn Ng sinh năm 1980 và Nguyễn Văn L1 sinh năm 1983. Bố mẹ đẻ của ông Sự, bà Hoan đều đã chết trước ông Sự, bà Hoan. Ông Sự, bà Hoan không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi. Trước khi chết ông Sự, bà Hoan không phải thực hiện nghĩa vụ gì với ai, không để lại di chúc.

Ông Sự và bà Hoan có tài sản chung là 570m² đất, gồm: 390m² đất thổ cư, thổ canh tại thửa đất số 380 và 180m² đất ao tại thửa đất số 403 tờ bản đồ số 4, xã N lập năm 1985; trên đất có 5 gian nhà cấp 4 và bếp; ngày 01/01/1987 Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Hoa Lư cấp giấy chứng nhận tạm thời sử dụng đất mang tên ông Nguyễn Văn Sự. Khi còn sống ông Sự đã bán 180m² đất ao; ngày 12/01/2004 ông Sự viết giấy cho ông Nguyễn Đức Q 100m² đất trong diện tích 390m² tại thửa đất số 380 tờ bản đồ số 4 xã N nhưng chưa làm thủ tục sang tên cho ông Q. Di sản của ông Sự và bà Hoan để lại còn 290m² đất + 5 gian nhà cấp 4 và bếp tại thửa đất 380 tờ bản đồ số 4 xã N. Toàn bộ diện tích thửa đất số 380 và tài sản trên đất do vợ chồng ông Nguyễn Quang L, bà Điền Thị V1 quản lý, sử dụng. Trong quá trình sử dụng nhà đất, vợ chồng ông L đã tự ý phá nhà của ông Sự, bà Hoan để xây dựng nhà, các công trình phụ mới trên đất. Hiện nay, toàn bộ tài sản trên đất là của vợ chồng ông L. Trong quá trình sử dụng nhà đất, vợ chồng ông L tự kê khai, đề nghị Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 380 đứng tên vợ chồng ông L mà không được sự đồng ý của ông Sự và các anh chị em trong gia đình. Ngày 23/7/2007, UBND thành phố N đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất số 380 cho vợ chồng ông L. Việc UBND thành phố N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 380, tờ bản đồ số 4 cho vợ chồng ông L, bà V1 là không đúng (thời điểm cấp là thửa đất số 168 tờ bản đồ số 6, Bản đồ địa chính phường N lập năm 2007). Ông Sự và bà Th, bà Th1 không có tài sản chung.

Bà H yêu cầu Tòa án:

- Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AI 660876 ngày 23/7/2007 của UBND thành phố N đã cấp cho ông L, bà V1.

- Chia thừa kế di sản của ông Sự, bà Hoan là thửa đất số 168 tờ bản đồ số 6, Bản đồ địa chính phường N lập năm 2007; địa chỉ: phố B, phường N, thành phố Ninh Bình cho các con đẻ ông bà theo quy định của pháp luật và chia theo diện tích thực tế hiện nay của thửa đất là 384,5m². Nếu có căn cứ cắt riêng cho anh Q 100m² như giấy cho đất ông Sự đã V2ết năm 2004 thì bà H vẫn nhất trí, nếu không có căn cứ cắt đất cho ông Q thì bà đề nghị chia thừa kế theo pháp luật toàn bộ di sản của bố mẹ bà là diện tích thửa đất hiện nay vợ chồng ông L đang quản lý và đã được cấp bìa đỏ.

Bà H không yêu cầu chia di sản là 05 gian nhà cấp 4 và bếp của ông Sự, bà Hoan xây dựng trên đất mà vợ chồng ông L đã phá dỡ. Tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ; chi phí định giá tài sản bà H tự nguyện chịu toàn bộ, không yêu cầu Tòa án giải quyết các khoản chi phí này.

Tại các bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là vợ chồng ông Nguyễn Quang L, bà Diên Thị VI trình bày:

Ông Nguyễn Văn Sự, bà Nguyễn Thị Hoan là bố mẹ đẻ của ông L. Trước năm 1990, khi ra ở với vợ hai là bà Nguyễn Thị Th1, ông Sự có nói với ông Nguyễn Đức Q và ông Mạnh (anh trai ông Sự, đã chết) là cho vợ chồng ông L toàn bộ nhà đất của ông bà. Sau đó, ông Sự tự ra xã làm thủ tục cho vợ chồng ông L thửa đất. Vợ chồng ông L đã sử dụng nhà đất của bố mẹ cho từ đó đến nay không có tranh chấp gì với ai. Năm 2009 vợ chồng ông L đã phá nhà bếp và năm 2019 thì phá 05 gian nhà cấp 4 của bố mẹ và xây dựng nhà, các công trình phụ mới trên đất. Trong quá trình sử dụng nhà đất, vợ chồng ông bà có tôn tạo, san lấp, bồi trức thửa đất, xây dựng nhà, công trình phụ, tường bao... Hiện nay, toàn bộ tài sản trên đất là của vợ chồng ông bà; ngoài vợ chồng ông bà thì không ai có công sức tôn tạo thửa đất, không có tài sản gì của ai trên thửa đất. Tài sản trên đất hiện nay của vợ chồng ông L gồm: 01 nhà 02 tầng 01 tum xây dựng năm 2009; 01 nhà mái bằng 01 tầng lợp tôn chống nóng, 01 mái tôn trước cửa nhà 01 tầng, toàn bộ tường bao và cổng làm năm 2019; 01 cây bưởi phía trước nhà 01 tầng. Công tôn tạo, san lấp, bồi trức thửa đất không xác định được là bao nhiêu tiền, vợ chồng ông bà tôn tạo, san lấp, bồi trức thửa đất thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa giải quyết gì về việc này.

Về hồ sơ thửa đất: sau khi được cho đất, hồ sơ thửa đất đều mang tên ông L. Ngày 23/7/2007, UBND thành phố N đã cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông

L. Như vậy, nguồn gốc thửa đất là của ông Sự và bà Hoan; sau khi bà Hoan chết, ông Sự đã cho vợ chồng ông L nên thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông L. Ông L không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H về Việc hủy GCNQSDĐ của vợ chồng ông bà và chia thừa kế đất của ông Sự và bà Hoan. Đối với đơn cho con quyền sử dụng đất của ông Sự năm 2004 không có giá trị, vì phần đất này trước năm 1990 ông Sự đã cho vợ chồng ông bà và vào thời điểm năm 2004 hồ sơ địa chính thửa đất đã mang tên ông L.

Tại bản tự khai ngày 27/11/2020, đơn yêu cầu độc lập ngày 25/02/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức Q trình bày:

Năm 2004, bố ông là ông Nguyễn Văn Sự có làm đơn cho con quyền sử dụng đất, đơn có xác nhận của chính quyền xã Ninh Sơn; nội dung đơn, cho ông Q 100m² đất tại thửa đất số 380, tờ bản đồ số 4 tại thôn Đông Thịnh, xã Ninh Sơn; kích thước dài 20m, rộng 5m, phía Đông giáp đất ông Mạnh, phía Tây giáp phần đất còn lại của ông Sự, phía Nam giáp đất ông Kim, phía Bắc giáp đường. Ông Q đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông L, bà V1 phải trả cho ông Q 100m² đất tại thửa đất số 380, tờ bản đồ số 4 hiện nay là thửa đất số 168 tờ bản đồ số 6, tại phố Bắc Thịnh, phường Ninh Sơn; kích thước dài 20m, rộng 5m, phía Đông giáp đất ông Mạnh, phía Tây giáp phần đất còn lại của ông Sự, phía Nam giáp đất ông Kim, phía Bắc giáp đường mà ông Nguyễn Văn Sự đã cho ông năm 2004. Ông Q nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại bản tự khai ngày 27/11/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị V2 trình bày.

Bà V, bà V2 đồng ý với lời khai, yêu cầu và đề nghị của nguyên đơn. Bà V, bà V2 đề nghị Tòa án chia thừa kế di sản của ông Sự, bà Hoan theo quy định của pháp luật cho các con của ông bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Vũ Thị Th trình bày:

Bà Th và ông Nguyễn Văn Sự có quan hệ tình cảm và có 01 con chung là Nguyễn Văn Ph sinh năm 1973. Sau khi bà sinh con, ông Sự có đề nghị bà về chung sống cùng ông và các con riêng của ông nhưng bà không nhất trí. Vì vậy, giữa bà và ông Sự không có thời gian chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn, không có tài sản chung. Tài sản riêng của ông Sự có những gì bà không rõ. Năm 2012 ông Sự chết, khi ông Sự chết có để lại di chúc hay không, di sản của ông Sự để lại đã phân chia hay chưa bà không biết. Nay các con của ông Sự

với bà Nguyễn Thị Hoan yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản của bố mẹ để lại, bà đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Bà Th từ chối nhận di sản thừa kế của ông Sự để lại cho bà nếu có.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Ph trình bày:

Bố anh là ông Nguyễn Văn Sự chết năm 2012, mẹ là bà Vũ Thị Th. Bố mẹ anh chỉ có một mình anh là con chung; tài sản chung của bố mẹ anh có những gì anh không biết. Khi bố anh chết có để lại di chúc hay không, di sản đã phân chia hay chưa anh cũng không biết. Nay các con của bố anh với bà Nguyễn Thị Hoan yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản của bố mẹ, anh đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Anh Ph từ chối nhận di sản thừa kế của bố anh để lại nếu có, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Th1 trình bày:

Bà Th1 và ông Nguyễn Văn Sự có 02 con chung là Nguyễn Văn Ng sinh năm 1980 và Nguyễn Văn L1 sinh năm 1983. Ông bà không có tài sản chung; còn tài sản riêng của ông Sự có những gì bà không rõ. Khi ông Sự chết có để lại di chúc hay không, di sản của ông Sự để lại đã phân chia hay chưa bà không biết. Nay các con của ông Sự với bà Nguyễn Thị Hoan yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản của bố mẹ. Bà Th1 đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Bà Th1 từ chối nhận di sản thừa kế của ông Sự để lại cho bà nếu có và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn Ng, anh Nguyễn Văn L1 cùng trình bày:

Bố các anh là ông Nguyễn Văn Sự chết năm 2012, mẹ là bà Nguyễn Thị Th1 hiện ở số nhà 04, ngõ 93, phố B, phường N. Tài sản chung của bố mẹ các anh có những gì các anh không biết. Khi ông Sự chết có để lại di chúc hay không, di sản của ông Sự để lại đã phân chia chưa các anh không biết. Nay các con của ông Sự với bà Nguyễn Thị Hoan yêu cầu Tòa án chia thừa kế tài sản của bố mẹ. Hai anh đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án. Anh Ng và anh L1 từ chối nhận di sản thừa kế của bố các anh để lại nếu có, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh.

Tại văn bản số 2608/UBND-TNMT ngày 10/11/2021 Ủy ban nhân dân thành phố N trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất: theo bản đồ và sổ mục kê phường Ninh Sơn lập năm 1985; thửa đất ông L và bà V1 đang sử dụng tại phố Bắc Thịnh, phường Ninh Sơn thuộc thửa đất số 380 tờ bản đồ số 4 diện tích 390m² gồm đất thổ và

thổ canh, chủ sử dụng đất ghi tên ông Sự; theo bản đồ địa chính và sổ mục kê phường Ninh Sơn lập năm 1997, thửa đất số 165 tờ 03-PL6 diện tích 380m² đất ở chủ sử dụng đất ghi tên ông Nguyễn Văn L; theo bản đồ địa chính và sổ mục kê phường Ninh Sơn lập năm 2007, thửa đất 168 tờ bản đồ số 6 diện tích 384,5m²; trong đó, đất ở 235,5m², đất trồng cây lâu năm 149m² ghi tên ông Nguyễn Quang L. Năm 2005 thực hiện dự án đo đạc bản đồ hiện trạng sử dụng đất xã Ninh Sơn (nay là phường Ninh Sơn) đến năm 2006 - 2007 chỉnh lý hoàn thiện hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình trên địa bàn xã. Gia đình ông Nguyễn Quang L và bà Điền Thị V1 đang ở và sử dụng thửa đất. Do đó, ông L và bà V1 đã kê khai theo hiện trạng sử dụng đất và đã được UBND thành phố N cấp GCNQSDĐ số AI660876 ngày 23/7/2007 thuộc thửa 168 tờ bản đồ số 6 diện tích 384,5m²; trong đó, đất ở là 235,5m², đất trồng cây lâu năm 149m² tại thôn Đông Thịnh, xã Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình nay là phố Bắc Thịnh, phường Ninh Sơn.

Việc cấp GCNQSDĐ cho ông L, bà V1, hồ sơ cấp GCNQSDĐ gồm: Đơn xin cấp GCNQSDĐ ghi ngày 19/12/2005 (đơn của ông L); biên bản xác định ranh giới, mốc giới; sơ đồ kỹ thuật thửa đất; sổ hộ khẩu, chứng minh thư nhân dân của ông L. Xét tờ trình số 81/TT-UBND ngày 19/7/2007 của UBND xã Ninh Sơn và tờ trình số 70/TT-TNMT ngày 20/7/2007 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về Việc đề nghị cấp GCNQSDĐ cho 274 hộ gia đình thuộc thôn Đông Thịnh, xã Ninh Sơn; trong đó có gia đình ông L, bà V1; ngày 23/7/2007 UBND thành phố Ninh Bình cấp GCNQSDĐ cho ông L và bà V1 thửa 168 tờ bản đồ số 6 diện tích 384,5m².

Căn cứ vào hồ sơ tài liệu có liên quan, UBND thành phố N đề nghị Tòa án giải quyết theo thẩm quyền.

Các tài liệu, chứng cứ có liên quan đến vụ án:

- Trích lục bản đồ, sổ mục kê xã Ninh Sơn lập năm 1985, thửa đất số 380 tờ bản đồ số 4 đứng tên ông Sự;

- Trích lục bản đồ, sổ mục kê xã Ninh Sơn lập năm 1997, thửa đất số 165 tờ 03-PL6 đứng tên ông Nguyễn Văn L;

- Trích lục bản đồ địa chính, sổ mục kê phường Ninh Sơn lập năm 2007, thửa đất số 168 tờ bản đồ số 6 ghi tên ông Nguyễn Quang L;

- Giấy chứng nhận tạm thời sử dụng đất số 339/GCN/ĐK ngày 01/01/1987, thửa đất số 380, tờ bản đồ số 4 đứng tên ông Nguyễn Văn Sự;

- Đơn cho con quyền sử dụng đất ở ngày 12/01/2004 của ông Nguyễn Văn Sự có xác nhận của UBND xã Ninh Sơn;

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI660876 ngày 23/7/2007 UBND thành phố Ninh Bình cấp cho ông Nguyễn Quang L, bà Điền Thị V1 được quyền sử dụng 384,5m² đất tại thửa đất số 168 tờ bản đồ số 6 phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình; nguồn gốc sử dụng đất: “Trước ngày 18/12/1980”.

- Đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 19/12/2005 của ông Nguyễn Quang L, có nội dung nguồn gốc sử dụng đất: “nhận thừa kế năm 1983”.

- Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 04/5/2021: thửa đất số 168 tờ bản đồ số 6 phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình có diện tích thực tế là 384,5m²; trong đó đất ở 235,5m², đất trồng cây lâu năm 149m².

- Biên bản định giá tài sản ngày 04/5/2021 xác định: giá trị quyền sử dụng đất ở 235,5m² là 1.413.000.000 đồng (giá tham khảo chuyển nhượng tại địa phương là 6.000.000đ/m²); giá trị quyền sử dụng đất trồng cây lâu năm 149m² là 119.200.000 đồng (giá áp dụng chuyển đổi mục đích sang đất ở là 800.000đ/m²); tổng giá trị quyền sử dụng đất là 1.532.200.000 đồng.

- Về tài sản trên đất: các đương sự đều xác nhận toàn bộ tài sản trên thửa đất là của vợ chồng ông L. Kết quả thẩm định, định giá như sau: nhà 02 tầng diện tích 137,6m² giá trị còn lại 399.189.000 đồng; nhà mái bằng 01 tầng 77,3m² giá trị còn lại 282.660.000 đồng; mái tôn chống nóng nhà mái bằng 01 tầng giá trị còn lại 33.615.000 đồng; mái tôn trước nhà mái bằng 01 tầng 23,3m² giá trị còn lại 10.132.000 đồng; tường bao gạch đỏ 7,1m³ giá trị còn lại 10.491.000 đồng; cổng sắt hộp 9,2m² giá trị còn lại 2.129.000 đồng; 01 cây bưởi trị giá 20.000 đồng.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022
Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình quyết định:*

- Căn cứ Điều 5; khoản 5, khoản 9 Điều 26; Điều 35 và các Điều 39, 147, 217, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 468, 609, 611, 613, 617, 618, 620, 649, 650, 651, 658, 660, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 5, 98, 99, 100, 101, 106, 166, 167 Luật đất đai 2013;

- Án lệ số 05/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a, b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về Việc chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Sự và bà Nguyễn Thị Hoan là quyền sử dụng diện tích 384,5m² đất gồm: 235,5m² đất ở, 149m² đất trồng cây lâu năm, tại thửa đất số 380, tờ bản đồ số 4 hiện nay là thửa đất số 168 tờ bản đồ số 6 Bản đồ địa chính phường Ninh Sơn lập năm 2007; địa chỉ tại phố Bắc Thịnh, phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

2. Bác yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đức Q về Việc buộc ông Nguyễn Quang L, bà Điền Thị V1 trả lại cho ông Q 100m² đất (kích thước dài 20m, rộng 5m, phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Mạnh, phía Tây giáp đất còn lại của ông Sự, phía Nam giáp ông Kim, phía Bắc giáp đường) tại thửa đất số 168 tờ bản đồ số 6, địa chỉ tại phố Bắc, phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

3. Phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Sự và bà Nguyễn Thị Hoan là quyền sử dụng diện tích 384,5m² đất như sau:

3.1. Giao cho ông Nguyễn Đức Q, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị V2, ông Nguyễn Quang L được quyền sử dụng, sở hữu chung 49,4m² gồm: 31,4m² đất ở, 18m² đất trồng cây lâu năm; vị trí, kích thước: phía Bắc giáp thửa đất số 157, 158 và đường đi dài 16,44m (3,38 + 5,12 + 1,62 + 6,32); phía Nam giáp phần đất giao cho ông Q, ông L, bà H, bà V, bà V2 dài 16,7m (4,8m + 4,55m + 7,35m); phía Đông giáp thửa đất số 158 và 167 dài 6,53m (3m + 3,53m); phía Tây giáp thửa đất số 156 và 157 dài 7,22m (2,02 + 1,23 + 3,97); tài sản trên đất gồm tường bao phía Bắc, phía Tây, cổng (Hình 1). Tổng giá trị đất là 202.800.000 đồng.

3.2. Giao cho ông Nguyễn Đức Q được quyền sử dụng, sở hữu 82,4m² đất trồng cây lâu năm; vị trí, kích thước: phía Bắc giáp phần đất sử dụng chung dài 4,8m; phía Nam giáp thửa đất số 273 dài 4,8m; phía Đông giáp thửa đất số 167 dài 17,05m; phía Tây giáp đất giao cho ông L dài 17,33m; tài sản trên đất gồm: tường bao phía Nam (Hình 4). Tổng giá trị đất là 65.920.000 đồng.

3.3. Giao cho ông Nguyễn Quang L được quyền sử dụng 137,3m² đất gồm 88,7m² đất ở, 48,6m² đất trồng cây lâu năm; vị trí, kích thước: phía Bắc giáp phần đất sử dụng chung và phần đất giao cho bà H, bà V, bà V2 dài 14,41m

(4,55m + 9,86); phía Nam giáp thửa đất số 273 dài 14,87m; phía Đông giáp phần đất giao cho ông Q dài 17,33m; phía Tây giáp thửa đất số 169 dài 2,19m và thửa đất số 170 dài 3,72m (Hình 3). Tổng giá trị đất là 571.080.000 đồng.

3.4. Giao cho bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V, bà Nguyễn Thị V2 được quyền sử dụng, sở hữu chung 115,4m² đất ở; vị trí, kích thước: phía Bắc giáp phần đất sử dụng chung dài 7,35m và thửa đất số 156 dài 1,69m; phía Nam giáp phần đất giao cho ông L dài 9,86m; phía Đông giáp phần đất giao cho ông L dài 12,42m; phía Tây giáp thửa đất số 156 dài 0,96m và thửa đất số 169 dài 11,68m; tài sản trên đất gồm: tường bao phía Tây (Hình 2). Tổng giá trị đất là 692.400.000 đồng.

3.5. Ông Nguyễn Quang L, bà Điền Thị V1 có nghĩa vụ thu hoạch, di chuyển toàn bộ cây cối, H màu và tháo dỡ các công trình trên phần đất giao cho ông Q, bà H, bà V, bà V2 được quyền sử dụng.

3.6. Ông Nguyễn Quang L phải thanh toán cho bà Điền Thị V1 127.683.333 đồng, làm tròn 127.683.000 đồng (một trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi ba nghìn đồng) tiền công sức đóng góp vào việc quản lý, tôn tạo di sản thừa kế.

3.7. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn án phí cho ông Nguyễn Đức Q, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị V. Ông Nguyễn Quang L phải chịu 25.040.000 đồng (hai mươi lăm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị V2 phải chịu 14.844.000 đồng (mười bốn triệu tám trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo; quyền thỏa thuận, yêu cầu, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Ngày 01 tháng 9 năm 2022 ông Nguyễn Quang L, bà Điền Thị V1 gửi đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình. Lý do, ông Nguyễn Văn Sự đã tuyên bố cho vợ chồng ông L toàn bộ nhà đất. Sau đó, ông Sự đã sang UBND xã Ninh Sơn làm thủ tục cho ông L toàn bộ quyền sử dụng đất. Theo chỉ thị số

299/TTg ngày 10/01/1980 về công tác đo đạc phân hạng và đăng ký ruộng đất trong cả nước; cụ thể là kê khai sổ mục kê, sổ kiểm đếm lập trước ngày 18/12/1980. Chủ sử dụng đất là ông L đã lập các giấy tờ trong quá trình đăng ký ruộng đất theo chỉ thị. Thửa đất của gia đình ông L đã đo đạc trong bản đồ số 299/TTg đã có ký giáp ranh với các chủ đất liền kề, sử dụng ổn định từ đó cho đến nay không có tranh chấp. Việc giao quyền sử dụng đất của ông S cho vợ chồng ông L là đúng với quy định tại điểm g khoản 1 Điều 100 của Luật đất đai và các giấy tờ lập trước ngày 15/10/1993. Ngày 23/7/2007 UBND thành phố Ninh Bình đã cấp GCNQSDĐ số AI660876 ngày 23/7/2007 UBND thành phố Ninh Bình cho ông L, bà V1.

Bà H, ông Q, bà V, bà V2 không đưa ra được chứng cứ, căn cứ, không có một loại giấy tờ gì để chứng minh V2 ệc tranh chấp đất đai và thừa kế tài sản nhưng Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình đã xét xử và lấy quyền sử dụng đất của vợ chồng ông L chia cho người khác là trái pháp luật. Vợ chồng ông L không đồng ý với bản án sơ thẩm nên kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm theo hướng hủy bản án sơ thẩm, bác đơn khởi kiện của bà H và những người liên quan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông L, bà V1 giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của vợ chồng ông L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình phát biểu ý kiến về Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; đề nghị: áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Quang L và bà Điền Thị V1, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình.

- Ông L, bà V1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng

Ông Nguyễn Quang L và bà Điền Thị V1 đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của người kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án được xét xử lại theo trình tự, thủ tục phúc thẩm.

Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng nguyên đơn là bà H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Q, bà V, bà V2, bà Th, anh Ph, bà Th1, anh Ng, anh L1, ông Dũng vắng mặt tại phiên tòa; trong đó bà H, ông Q, bà V, bà V2, ông D đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người có tên nêu trên.

Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình thụ lý, giải quyết đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đức Q là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đúng quy định và không thuộc trường hợp phải từ chối hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án

Các đương sự đều thừa nhận thừa đất số 380, tờ bản đồ số 4 xã Ninh Sơn lập năm 1985 (sau này là thửa đất số 168 tờ bản đồ số 6) là tài sản chung của vợ chồng ông Nguyễn V1 Sự, bà Nguyễn Thị Hoan. Sau khi bà Hoan chết (1974), di sản của bà Hoan chưa chia và do ông Sự quản lý, sử dụng. Sự thừa nhận của các đương sự phù hợp với các tài liệu là Bản đồ, Sổ mục kê xã Ninh Sơn lập năm 1985, Giấy chứng nhận tạm thời sử dụng đất số 339/GCN/ĐK ngày 01/01/1987. Do đó thửa đất nêu trên có nguồn gốc của vợ chồng ông Sự, bà Hoan và phần di sản của bà Hoan trong khối tài sản chung vợ chồng chưa được phân chia, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Ngày 12/01/2004, ông Sự làm đơn cho con trai là ông Nguyễn Đức Q 100m² đất (KT: dài 20m, rộng 5m) trong thửa đất số 380, có xác nhận của chính quyền địa phương. Tuy nhiên, thời điểm năm 2004 thửa đất nêu trên vẫn là tài sản chung của ông Sự và bà Hoan, chưa chia nên không có cơ sở xác định ông Sự được quyền sử dụng bao nhiêu m² trong thửa đất. Bà Hoan đã chết nên phần tài sản của bà Hoan ở trong thửa đất trở thành di sản thừa kế của bà Hoan. Việc phân chia, định đoạt di sản của bà Hoan phải do những người thừa kế quyết định. Ông Sự đã tự định đoạt cho ông Q 100m² đất trong khối tài sản chung của ông và bà Hoan khi chưa được những người thừa kế khác đồng ý là không đúng,

trái quy định của pháp luật. Mặt khác, đơn cho đất của ông Sự lập năm 2004 tuy có xác nhận của UBND xã Ninh Sơn nhưng cho đến nay ông Q chưa thực hiện Việc đăng ký quyền sử dụng đất tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Luật đất đai. Ông Q không đăng ký quyền sử dụng đất không phải do trở ngại khách quan nên việc ông Sự tặng cho ông Q 100m² đất không phát sinh hiệu L1 pháp luật. Vì vậy, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Đức Q đòi quyền sử dụng diện tích 100m² trong thửa đất số 168 là có căn cứ.

Bị đơn là vợ chồng ông L, bà V1 cho rằng: trước năm 1990, khi đến chung sống với bà Nguyễn Thị Th1, ông Sự đã tuyên bố cho vợ chồng ông L toàn bộ nhà đất; sau đó ông Sự đã ra xã làm thủ tục cho vợ chồng ông L thừa đất. Tuy nhiên, vợ chồng ông L, bà V1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh sự Việc ông Sự tặng cho thửa đất. Hồ sơ địa chính, hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng ông L không có tài liệu nào thể hiện Việc chuyển quyền sử dụng đất từ ông Sự sang cho vợ chồng ông L. Các đương sự khác và UBND thành phố Ninh Bình đều xác định: vợ chồng ông L, bà V1 sinh sống trên thửa đất và kê khai theo hiện trạng sử dụng đất nên được UBND thành phố Ninh Bình cấp GCNQSDĐ số AI 660876 ngày 23/7/2007 đối với thửa đất số 168 tờ bản đồ số 6 diện tích 384,5m².

Ngoài ra, “đơn cho con quyền sử dụng đất ở” do ông Sự viết năm 2004 tuy không có giá trị pháp lý để chuyển quyền sử dụng đất cho ông Q nhưng trong đơn có nội dung “phía Tây giáp phần đất còn lại của tôi” đã chứng minh ông Sự chưa cho vợ chồng ông L thừa đất hiện nay vợ chồng ông L đang sử dụng.

Như vậy, vợ chồng ông L xác định trước năm 1990 ông Sự đã cho vợ chồng ông L thừa đất là không có căn cứ. Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình chỉ dựa vào kê khai của vợ chồng ông L để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho vợ chồng ông L là không đúng, trái với quy định của Điều 50 Luật đất đai năm 2003. Đến nay, thửa đất số 168 tờ bản đồ số 6 diện tích 384,5m² vẫn được xác định là tài sản chung, là di sản của vợ chồng ông Sự, bà Hoan.

Ông L thuộc hàng thừa kế thứ nhất và thuộc diện được hưởng di sản của ông Sự, bà Hoan. Do đó, bản án sơ thẩm nhận định không cần thiết phải hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà trên cơ sở yêu cầu của đương sự, Văn phòng đăng ký đất đai, cơ quan Tài nguyên và Môi trường có thẩm quyền sẽ căn cứ vào bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án để giải quyết điều chỉnh biên

động hoặc cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phù hợp với kết quả giải quyết của Tòa án là có căn cứ.

Trong quá trình tham gia tố tụng bà Vũ Thị Th và bà Nguyễn Thị Th1 đều thừa nhận các bà và ông Nguyễn Văn Sự không có tài sản chung; các bà không có quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan đến thửa đất đang tranh chấp. Hàng thừa kế thứ nhất của bà Hoan gồm chồng là ông Sự và các con là ông Q, bà H, bà V, bà V2, ông L. Hàng thừa kế thứ nhất của ông Sự gồm bà Th1 và các con là ông Q, bà H, bà V, bà V2, ông L, anh Ph, anh Ng, anh L1. Trong đó bà Th1, anh Ph, anh Ng, anh L1 đã có ý kiến từ chối nhận di sản thừa kế của ông Sự. Do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, chia di sản thừa kế của ông Sự, bà Hoan là thửa đất số 168 tờ bản đồ số 6 diện tích 384,5m² cho những người thừa kế gồm ông Q, bà H, bà V, bà V2, ông L và thanh toán chi phí bảo quản di sản cho vợ chồng ông L là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và không xâm phạm đến quyền lợi của vợ chồng ông L.

[3] Trong quá trình giải quyết phúc thẩm, ngày 29 tháng 12 năm 2022 ông L có đơn đề nghị Tòa án xác minh thu thập chứng cứ với nội dung: *ngày 01 tháng 01 năm 1987 ông Nguyễn Duy Sự được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời đối với thửa đất số 380 tờ bản đồ số 04 tại xã N, huyện Hoa Lư. Sau đó ông Sự có làm thủ tục xin cấp thêm thửa đất khác tại Ủy ban nhân dân xã Ninh Sơn để ra sống riêng với bà Nguyễn Thị Th1 cùng 2 con là anh Nguyễn Văn Ng và anh Nguyễn Văn L1. Theo chính sách tại xã Ninh Sơn lúc bấy giờ khi đã có đất rồi thì không được cấp mới nữa, nên ông Sự phải sang tên thửa đất số 380 tờ bản đồ số 04 tại xã N cho ông L thì mới được cấp mới. Nhờ có việc sang tên thửa đất cho ông L mà ông Sự được cấp 1 thửa đất khác tại xã Ninh Sơn. Sau khi được cấp thửa đất mới, ông Sự đã làm thủ tục tách thửa và tặng cho quyền sử dụng đất cho bà Th1, anh L1 và anh Ng, hiện nay các thửa đất lần lượt có thông tin như sau:*

Thửa đất số 302 tờ bản đồ số 5 địa chỉ tại phố Đông Thịnh, phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình có diện tích 348,4 m² được Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP456167 ngày 20 tháng 5 năm 2014 đứng tên anh Nguyễn Văn Ng và chị Phạm Thị Thanh H;

Thửa đất số 301 tờ bản đồ số 5 địa chỉ tại phố Đông Thịnh, phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình có diện tích 111,9 m² được Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP456168 đứng tên anh Nguyễn Văn L1 và chị Bùi Thị Ng.

Thửa đất số 181 tờ bản đồ số 5 địa chỉ tại phố Đông Thịnh, phường Ninh Sơn, thành phố Ninh Bình có diện tích 111,9 m² được Ủy ban nhân dân thành phố Ninh Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP456170 đứng tên bà Nguyễn Thị Th1.

Nhận thấy việc xác minh thông tin cấp đất lần đầu liên quan đến 3 thửa đất có thông tin nêu trên, có ý nghĩa quan trọng đối với việc xác định nguồn gốc quá trình sang tên, ý chí tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 380 tờ bản đồ số 4 tại xã Ninh Sơn từ ông Nguyễn Duy Sự cho ông L nên ông L tiến hành xin xác minh thông tin tại Ủy ban nhân dân phường Ninh Sơn; Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Ninh Bình nhưng không được tiếp cận các thông tin này. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình giải quyết vụ án ông L đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xác minh, thu thập chứng cứ liên quan đến hồ sơ cấp đất lần đầu đối với 3 thửa đất số 302, 301, 181 tờ bản đồ số 5 địa chỉ tại phố Đông Thịnh, phường Ninh Sơn thành phố Ninh Bình.

Nộp kèm theo đơn đề nghị xác minh là bản phô tô Phiếu giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin số 502/CNVPĐK ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Chi nhánh V1 phòng đăng ký đất đai thành phố Ninh Bình gửi bà Điền Thị V1 có nội dung: theo phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai ghi ngày 19 tháng 12 năm 2022, Chi nhánh V1 phòng đăng ký đất đai thông báo về việc cung cấp thông tin do bà Điền Thị V1 yêu cầu như sau: thửa đất, người sử dụng đất, quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất, tình trạng pháp lý: đã có thông tin ghi trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm theo phiếu yêu cầu cung cấp dữ liệu đất đai do bà V1 nộp kèm theo; L sử biến động đất: không có tài liệu; quy hoạch sử dụng đất: không có tài liệu; giao dịch đảm bảo: không có thông tin; hạn chế về quyền: không có tài liệu; giá đất: không có tài liệu; trích lục bản đồ: có và được cung cấp kèm theo phiếu giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin.

Xét yêu cầu xác minh thu thập chứng cứ của ông L đã được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Ninh Bình là đơn vị có chức năng đăng ký biến động đất đai, cung cấp hồ sơ, thông tin, số liệu đất đai cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật trả lời bằng văn bản. Văn bản trả lời của cơ quan có thẩm quyền đã nêu rõ không có tài liệu theo như yêu cầu của ông L và trên thực tế thửa đất số 181, 301, 302 tờ bản đồ số 5 không liên quan đến thửa đất đang có tranh chấp. Tại phiên tòa phúc thẩm ông L, bà V1 cũng đã thừa nhận ông Sự cho đất chỉ nói bằng miệng, không có giấy tờ, tài liệu gì về Việc tặng cho quyền sử

dụng đất nên Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình không tiến hành xác minh thu thập chứng cứ theo đơn yêu cầu của ông L.

[4] Xét thấy trong quá trình giải vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, ông L và bà V1 không giao nộp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Do đó, không chấp nhận đơn kháng cáo của ông L và bà V1; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

[5] Yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên vợ chồng ông L, bà V1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

2. Về án phí: vợ chồng ông Nguyễn Quang L, bà Điền Thị V1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai số AA/2021/0000920 ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình; ông L, bà V1 đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (06/01/2023).

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TANDCC tại Hà Nội;
- TAND TP.Ninh Bình;
- CCTHADS TP.Ninh Bình;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tử Lượng

